

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI VÀ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẤP BÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI

Thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi tại Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 9/5/2014. Nhằm triển khai các nội dung tái cơ cấu ngành chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đồng thời phê duyệt và ban hành Quyết định số 985/QĐ-BNN-CN ngày 9/5/2014 về kế hoạch hành động thực hiện Đề án.

Nội dung Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi đã đề cập đến các vấn đề chính như sau: *(1) Tái cơ cấu chăn nuôi theo vùng chăn nuôi, (2) Tái cơ cấu về vật nuôi, (3) Tái cơ cấu chăn nuôi theo phương thức sản xuất chăn nuôi; đổi mới hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm và (4) Tái cơ cấu theo chuỗi giá trị ngành hàng.*

Triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi đã có nhiều tác động tích cực đến tình hình sản xuất chăn nuôi trong nước thời gian qua. Các địa phương đã triển khai tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT; rà soát quy hoạch phát triển chăn nuôi và cơ chế chính sách được ban hành. Đầu tư xã hội cho phát triển chăn nuôi được tăng cường theo hướng chuyển dịch từ đầu tư công sang tư nhân và mô hình PPP. Phát triển chăn nuôi theo chuỗi liên kết đã được các địa phương chú trọng, bên cạnh việc xây dựng mới các chuỗi liên kết trong sản xuất chăn nuôi đã tập trung đa dạng hóa các mô hình liên kết sản xuất chăn nuôi ở nhiều địa phương. Đầu tư áp dụng công nghệ cao được phát triển trong thời gian qua góp phần tạo ra hướng đột phá trong việc gia tăng giá trị của các sản phẩm chăn nuôi.

I. Tổ chức triển khai Đề án tái cơ cấu chăn nuôi

1. Ở Trung ương

Sau khi Đề án “Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” của Bộ Nông nghiệp và PTNT được phê duyệt, Cục Chăn nuôi đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan, các Sở Nông nghiệp và PTNT... triển khai thực hiện một số nội dung sau:

- Tổ chức, triển khai kế hoạch thực hiện tái cơ cấu đúng kế hoạch được Bộ

phê duyệt. Xác định hai nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 là quản lý lợn đực giống và quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi.

- Kiến nghị xây dựng Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh giống vật nuôi; đồng thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan phục vụ công tác quản lý ngành trong bối cảnh đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi triển khai sâu rộng trên cả nước.

- Xây dựng các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quản lý chuyên ngành: Cục đã rà soát, xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn/quy chuẩn về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và môi trường chăn nuôi làm cơ sở để nâng cao hiệu lực công tác quản lý.

- Tăng cường công tác tổng hợp, hướng dẫn và cảnh báo cho địa phương trong quá trình thực hiện tái cơ cấu.

- Tổ chức, chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm trong năm đầu triển khai tái cơ cấu như quản lý lợn đực giống và quản lý thức ăn chăn nuôi trọng điểm; xây dựng chuỗi liên kết và vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện tái cơ cấu.

2. Ở địa phương

Đến nay, theo báo cáo của các Sở Nông nghiệp và PTNT đã có **27** tỉnh, thành phố ban hành Đề án và kế hoạch hành động tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương trong đó có lĩnh vực chăn nuôi; **02** địa phương ban hành Nghị quyết hoặc Chương trình hành động thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp chứ không xây dựng Đề án tái cơ cấu (Lạng Sơn, Thanh Hóa); **17** tỉnh/thành phố đang hoàn thiện nội dung đề án tái cơ cấu nông nghiệp và chăn nuôi trình UBND tỉnh/thành phố phê duyệt; các địa phương còn lại đang trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng đề án. Một số địa phương triển khai tích cực Đề án tái cơ cấu chăn nuôi trong thực tiễn là: Quảng Bình, Sóc Trăng, Hà Tĩnh, Vĩnh Long, Thái Nguyên, Bến Tre, Bắc Ninh, Thái Bình, Trà Vinh, Sơn La, Quảng Ngãi, Đồng Tháp, Phú Thọ, Lào Cai...

Về rà soát, bổ sung quy hoạch và cơ chế chính sách phát triển chăn nuôi theo định hướng tái cơ cấu: Theo báo cáo của các địa phương, tính đến 6/2015 có **55/63** tỉnh, thành phố đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi (hoặc quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp trong đó có lĩnh vực chăn nuôi). Trong đó, một số địa phương phê duyệt quy hoạch theo định hướng tái cơ cấu ngành chăn nuôi như: Lào Cai, Bắc Giang, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Quảng Trị...

Các địa phương khác đang trong quá trình xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch phát triển chăn nuôi gắn với hệ thống giết mổ tập trung công nghiệp theo định hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Một số địa phương đã phê duyệt quy hoạch từ trước, sau khi thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi đã rà soát và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực chăn nuôi, giết mổ tập trung tại địa

phương như: Yên Bái, Thái Bình, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Long An và Trà Vinh...

Ngoài ra có một số địa phương phê duyệt quy hoạch vùng chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 nhằm phục vụ tái cơ cấu như: Quảng Ninh, An Giang...

Ngoài ra, một số địa phương ban hành chính sách riêng nhằm khuyến khích phát triển vật nuôi chủ lực, có tiềm năng hoặc hỗ trợ cho các đối tượng cơ sở chăn nuôi, như: An Giang đối với chăn nuôi bò thịt; Sơn La đối với chăn nuôi đại gia súc; Điện Biên hỗ trợ cho chuyển đổi cơ cấu vật nuôi; Hà Giang hỗ trợ các hộ nghèo phát triển chăn nuôi trâu, bò sinh sản; Thanh Hóa hỗ trợ chăn nuôi bò sữa; Gia Lai đối với chăn nuôi bò; Bến Tre hỗ trợ phát triển chăn nuôi trang trại, Vĩnh Phúc xây dựng chính sách hỗ trợ lồng ghép trong Quyết định phê duyệt Đề án tái cơ cấu...

II. Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu chăn nuôi

1. Tái cơ cấu chăn nuôi theo vùng chăn nuôi

- Đối với chăn nuôi lợn: Theo định hướng tái cơ cấu chưa có sự chuyển dịch rõ nét từ các vùng có mật độ chăn nuôi cao như ĐB Sông Hồng, Trung du MNPB, Đông Nam Bộ sang vùng Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Đối với chăn nuôi gà: Theo tái cơ cấu, cơ cấu và quy mô đàn gà tại vùng ĐB Sông Hồng, Trung du MNPB, Bắc Trung Bộ và ĐB Sông Cửu Long vẫn được duy trì, sau đó mở rộng sang vùng Tây nguyên. Tuy nhiên, hiện nay ở vùng ĐB Sông Hồng đàn gà có xu hướng giảm từ 28,54% (năm 2013) xuống 27,23% (năm 2014) và 25,64% (thời điểm 1/4/2015). Ở các vùng Trung du MNPB, Bắc Trung Bộ và ĐB Sông Cửu Long không có biến động. Vùng Tây nguyên đàn gà có xu hướng tăng (5,5% năm 2013 lên 5,9% tại thời điểm 1/4/2015).

- Đối với chăn nuôi vịt: Tỷ lệ % trong tổng đàn hiện có sự thay đổi nhưng còn chậm so với chỉ tiêu đề ra trong tái cơ cấu ở vùng Trung du MNPB và Duyên hải miền Trung.

- Chăn nuôi bò thịt: Định hướng trong tái cơ cấu là phát triển ở các vùng Duyên hải miền Trung và Trung du miền núi phía Bắc. Hiện nay chăn nuôi bò thịt đã phát triển mạnh ở các tỉnh thuộc Duyên hải miền Trung như Hà Tĩnh, Nghệ An..., bên cạnh đó đang phát triển ở vùng Tây nguyên như Gia lai.

- Chăn nuôi bò sữa: Tái cơ cấu đã chỉ rõ phát triển chăn nuôi bò sữa ở các vùng truyền thống và có khả năng đầu tư công nghệ cao. Hiện nay đàn bò sữa đang phát triển ở vùng Mộc châu, Ba Vì, Lâm Đồng... là những vùng chăn nuôi truyền thống (Mộc châu hiện có 17.500 con), và phát triển mạnh theo hướng đầu tư công nghệ cao như TH MILK với hơn 45.000 con ở Nghệ An, Hoàng Anh Gia Lai 5.400 con ở Gia lai, Vinamilk gần 10.000 con (Thanh Hoá)...

- Một số địa phương chủ động mở hội nghị rộng rãi xin ý kiến các lãnh đạo trung ương, các nhà khoa học, quản lý, doanh nghiệp... như Hà Giang, Vĩnh Phúc, Đồng Tháp, Hà Tĩnh...

2. Tái cơ cấu về vật nuôi

- Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi đã đề cập rất cụ thể đối với nội dung tái cơ cấu vật nuôi. Xác định rõ thứ tự ưu tiên về loại sản phẩm chính từ chăn nuôi là lợn, gà, bò thịt, sữa. Trong đó nêu rõ việc điều chỉnh tỷ lệ cơ cấu thịt hơi xuất chuồng đối với thịt lợn giảm còn 62% (năm 2020), tăng tỷ trọng thịt gia cầm lên 28% và thịt trâu bò là 10% (năm 2020), sản lượng sữa đạt trên 0,9 triệu tấn/năm (năm 2020). Còn những sản phẩm khác tùy theo lợi thế cạnh tranh và điều kiện của từng địa phương để phát triển bền vững.

- Theo tổng hợp của Cục Chăn nuôi từ báo cáo của các địa phương, tỷ lệ cơ cấu một số sản phẩm chăn nuôi chính biến động như sau:

Sản phẩm	Tỷ trọng năm 2013	Tỷ trọng năm 2014	Dự kiến năm 2015
Thịt lợn hơi xuất chuồng	72,87 %	72,66 %	72,41 %
Thịt gia cầm hơi xuất chuồng	18,75%	19,05 %	19,41 %
Thịt trâu, bò hơi xuất chuồng	8,37 %	8,28 %	8,18 %
Sản lượng sữa (Tốc độ tăng trưởng)	--	20,4 %	16,9 %

Kết quả cho thấy sự thay đổi này trong thời gian qua ngày càng rõ nét. Một số địa phương điển hình như: tỉnh Đồng Nai có cơ cấu giá trị sản phẩm gia súc tăng bình quân 3,3%, giá trị sản phẩm gia cầm tăng 37,99% so với trước khi tái cơ cấu; tỉnh Quảng Nam tỷ trọng chăn nuôi lợn (theo hình thức chăn nuôi trang trại) tăng 9,5%, gia cầm tăng 10,44%; tỉnh Lào Cai sản lượng thịt lợn chiếm 79,5%, thịt gia cầm chiếm 13,7%; tỉnh Nghệ An và Gia Lai đàn bò sữa tăng mạnh do chiến lược nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn làm cho tổng đàn trâu, bò và sản lượng sữa tăng lên.

- Các địa phương đã xây dựng và triển khai tái cơ cấu theo định hướng và đều xác định rõ đối tượng vật nuôi theo đặc thù của từng tỉnh: ví dụ Hà Giang, Sơn La, Đắk Lắk tập trung vào con trâu, bò, ong; trong khi đó Bắc Ninh, Bình Phước, Vĩnh Long tập trung vào con lợn, gia cầm; Quảng Bình tập trung vào bò thịt và gà ri; các tỉnh Điện Biên, Sóc Trăng, Tây Ninh, Vĩnh Long tập trung phát triển bò, gà, Đồng Tháp tập trung phát triển vịt, Vĩnh Phúc lựa chọn lợn, bò thịt và bò sữa, Phú Thọ lựa chọn lợn, gà đồi và bò thịt... Một số tỉnh khu vực ĐBSCL tập trung phát triển giống gà tàu vàng lâu đời chất lượng thơm ngon; chăn nuôi vịt phát triển toàn vùng ĐBSCL với một số giống vịt phổ biến ở khu vực này: Super meat, Vịt Nông nghiệp, Vịt Tàu rần, vịt Triết Giang.

- Các chỉ tiêu thực hiện trong tái cơ cấu đã có sự thay đổi theo định hướng như: tỷ lệ lợn nái ngoại đã tăng từ 19,8% (2013) lên 20,4% (2014) và 22,4% (1/4/2015); tỷ lệ bò lai 47,6% (2013) lên 51,9% (2014) với tốc độ tăng trưởng là 10,7%.

3. Tái cơ cấu về phương thức chăn nuôi, đổi mới hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm

- Trong quá trình triển khai tái cơ cấu đã khuyến khích phát triển các hệ

thống chăn nuôi thích hợp cho gia súc gia cầm trong các điều kiện chăn nuôi khác như hệ thống chuồng kín, chuồng hở, chăn nuôi trên đệm lót sinh học.

- Tập trung chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao. Số lượng trang trại chăn nuôi tăng từ 9.377 trang trại năm 2013 lên 9.897 trang trại năm 2014. Cơ cấu trang trại chăn nuôi/tổng số trang trại có xu hướng giảm ở vùng Đồng bằng Sông Hồng 64,1% (năm 2013) xuống 63,5% (2014), Đông Bắc 70,4% (năm 2013) xuống 66,5% (năm 2014), Duyên hải Nam Trung bộ 53,0% (năm 2013) xuống 51,8% (năm 2014); nhưng lại có xu hướng tăng ở vùng Bắc Trung Bộ 36,8% (năm 2013) lên 38,8% (năm 2014), Tây nguyên 16,6% (năm 2013) lên 21,4% (năm 2014), ĐB Sông Cửu Long từ 12% lên 13,5% (năm 2014).

- Một trong những hệ thống sản xuất được đánh giá cao và người chăn nuôi ở nhiều địa phương được khuyến khích áp dụng trong hoạt động chăn nuôi là quy trình chăn nuôi VietGAP. Hiện nay, cả nước có hơn 186 mô hình chăn nuôi áp dụng VietGAP được cấp chứng nhận. Trong đó, 25 cơ sở nuôi lợn thịt (tổng quy mô 74.550 con/lứa), 38 cơ sở nuôi gà (tổng quy mô trên 21 triệu con/lứa), 2 cơ sở nuôi bò sữa (quy mô 1.220 con/lứa) và 121 cơ sở nuôi ong mật (quy mô 106.450 đàn).

- Có nhiều địa phương đã ban hành quy hoạch chăn nuôi gắn với hệ thống giết mổ tập trung công nghiệp nhằm tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với công tác giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn (Lào Cai, Bắc Giang, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Quảng Trị, Yên Bái, Thái Bình, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Long An và Trà Vinh...). Theo quy hoạch chung, các cơ sở giết mổ được di dời nằm trong khu quy hoạch, ngoài khu dân cư, tránh gây ô nhiễm môi trường đem lại hiệu quả nhất định.

4. Tái cơ cấu theo chuỗi giá trị ngành hàng

- Một số tỉnh đã bước đầu tổ chức liên kết theo chuỗi sản phẩm từ khâu sản xuất đến thị trường, trong đó doanh nghiệp làm trung tâm để liên kết với các tổ chức sản xuất như liên kết tổ hợp tác, hội ngành hàng. Khuyến khích các tổ chức cá nhân hợp tác liên kết chuỗi các sản phẩm chăn nuôi.

- Xây dựng mô hình liên kết ở từng vùng phù hợp với lợi thế vùng và điều kiện thị trường tại địa phương. Một số địa phương như Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Đắk Lắk, Bắc Ninh, Hà Nam, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tp.Hồ Chí Minh... đã xác định một số mô hình liên kết sản xuất rõ nét, tạo tiền đề cho tái cơ cấu các loại vật nuôi trên địa bàn.

- Năm 2014 và 5 tháng đầu năm 2015 đã xuất khẩu được 40,2 ngàn tấn thịt lợn hơi các loại; 39,5 triệu quả trứng vịt muối; 65 ngàn tấn mật ong; 500 ngàn tấn thành phẩm, trên 3 triệu tấn nguyên liệu TACN và gần 450 triệu USD các sản phẩm sữa...

III. Đánh giá chung

Thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” trong thời gian qua, sản xuất chăn nuôi đã có sự chuyển biến tích cực. Đánh giá chung qua các mặt được khái quát như sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện tái cơ cấu quyết liệt và rõ nét trên từng nội dung tái cơ cấu.

- Chỉ đạo rà soát quy hoạch, xây dựng đề án tái cơ cấu phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý lợn đực giống và quản lý thức ăn chăn nuôi trọng điểm trên phạm vi toàn quốc.

- Chỉ đạo tăng cường công tác xúc tiến thương mại, củng cố và phát triển thị trường, cung cấp thông tin thị trường cho người chăn nuôi.

- Các địa phương đã tổ chức triển khai đề án tái cơ cấu gắn với xây dựng nông thôn mới, đồng thời lồng ghép các chương trình, dự án; khuyến khích và huy động các nguồn lực tham gia trong quá trình triển khai.

2. Chính sách phát triển:

- Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ để phát triển chăn nuôi thực hiện tái cơ cấu như Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2014-2020 và Thông tư 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 3/3/2015 hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 của Quyết định này; Thông tư 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28/4/2014 ban hành danh mục giống vật nuôi cao sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ...

- Các địa phương đã vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách thu hút kinh tế tư nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Về cải cách hành chính:

- Thực hiện đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước lĩnh vực chăn nuôi. Hiện nay, lĩnh vực chăn nuôi có 26 TTHC, trong đó 22 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Chăn nuôi, 03 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. Đơn giản hoá TTHC tập trung vào 02 nội dung: Cắt giảm từ 30 - 50% thời gian giải quyết TTHC và đơn giản hóa việc quy định "bản sao chứng thực", chuyển thành quy định "bản sao chụp".

- Thực hiện hải quan một cửa quốc gia trong quản lý thức ăn chăn nuôi: Đã triển khai tập huấn cho cán bộ, các đơn vị làm thí điểm và bắt đầu thực hiện từ 30/6/2015.

4. Tổ chức hệ thống ngành:

Thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nguồn lực phục vụ công tác quản lý chăn nuôi - thú y các cấp sẽ được tăng cường rất lớn.

5. Sản xuất chăn nuôi tiếp tục tăng trưởng và chuyển đổi theo hướng tích cực:

- Tăng trưởng chăn nuôi đạt 4,06 % năm 2014 và khoảng 4,8 % các tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014. Đáp ứng cơ bản nhu cầu các loại thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và bước đầu cho xuất khẩu.

- Thị trường và giá cả các sản phẩm chăn nuôi ổn định đảm bảo cho người chăn nuôi sản xuất có lời.

- Chăn nuôi chuyển dịch theo hướng trang trại, tập trung chuyên nghiệp và công nghiệp hơn.

- Đầu tư xã hội cho nguồn lực phát triển chăn nuôi tăng, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân cả trong và ngoài nước.

6. Một số tồn tại chính:

- Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án đối với các địa phương đã được triển khai và thực hiện, tuy nhiên chưa huy động được các cấp, các ngành vào cuộc triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả, chưa vận dụng và huy động được nguồn lực đủ mạnh để thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành chăn nuôi.

- Triển khai thực hiện tái cơ cấu ở địa phương còn chậm. Đến nay mới có 27/63 tỉnh, thành phố ban hành Đề án và kế hoạch hành động tái cơ cấu nông nghiệp của địa phương trong đó có lĩnh vực chăn nuôi; 02/63 tỉnh (Lạng Sơn, Thanh Hoá) ban hành Nghị quyết/Chương trình hành động thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp.

- Triển khai thực hiện tái cơ cấu ở nhiều địa phương còn lúng túng, chưa phân biệt được nội dung và giải pháp thực hiện đề án tái cơ cấu với các hoạt động chung, thường xuyên của ngành chăn nuôi. Quy hoạch chăn nuôi còn mang nặng tính hình thức, chưa bám sát nội dung và mục tiêu tái cơ cấu.

- Chưa có bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện tái cơ cấu chăn nuôi.

- Các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi chưa được thực thi có hiệu quả, thủ tục còn rườm rà, chưa đi vào thực tiễn sản xuất chăn nuôi ở các địa phương và các doanh nghiệp.

- Việc đầu tư phát triển chăn nuôi thiếu đồng bộ, khu vực chăn nuôi nông hộ mức đầu tư còn rất thấp. Phần lớn các doanh nghiệp và người chăn nuôi chỉ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, công đoạn dễ thu lời, như: thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; trong khi con giống, giết mổ, chế biến còn nhiều bất cập.

- Tổ chức liên kết sản xuất trong chăn nuôi còn yếu, mới chỉ có ở các tỉnh

và thành phố lớn hoặc các lĩnh vực có tính đặc thù cao như chăn nuôi bò sữa, trồng gia cầm...

- Quản lý nhà nước về quy hoạch, chất lượng và an toàn vật tư, sản phẩm chăn nuôi còn nhiều bất cập, chưa thực sự tạo được áp lực mạnh thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng chất lượng và an toàn.

Phần thứ hai

CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI

Mục tiêu và nội dung tái cơ cấu ngành chăn nuôi khá bao trùm và toàn diện, để triển khai đạt kết quả, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau đây:

1. Hoàn thiện quy hoạch chăn nuôi phù hợp với nội dung và mục tiêu tái cơ cấu, đảm bảo:

- Phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và thị trường. Trong đó thị trường là yếu tố quan trọng cần phải được cân nhắc kỹ trong các phương án quy hoạch phát triển chăn nuôi.

- Phải gắn quy hoạch phát triển chăn nuôi với yêu cầu xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, với hệ thống giống và giết mổ chế biến gia súc, gia cầm.

2. Điều chỉnh cơ cấu, nâng cao hiệu quả đầu tư công và thu hút mạnh đầu tư tư nhân:

- Ngân sách Nhà nước chỉ đầu tư cho những nội dung và hạng mục trong chăn nuôi mà doanh nghiệp không thể làm hoặc không muốn làm;

- Triển khai mạnh chủ trương xã hội hóa huy động nguồn lực đầu tư phát triển chăn nuôi, tạo điều kiện tối đa để các doanh nghiệp, người sản xuất được thụ hưởng và bỏ thêm vốn tham gia nhiều hơn vào các chương trình, lĩnh vực mà nhà nước đang khuyến khích, như: chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ, môi trường, chương trình giống, chương trình xúc tiến thương mại;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi thông qua các tổ chức chuỗi liên kết trong sản xuất. Thay vì nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất cá thể thì nên thông qua hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX, từ đó tạo điều kiện để các doanh nghiệp, HTX giúp người sản xuất sẽ hiệu quả, khả thi và bền vững hơn.

3. Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển chăn nuôi:

- Các địa phương cần huy động nguồn lực để vận dụng triệt để các chính sách trong Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Trong đó đặc biệt là các nội dung về khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ, chế biến công nghiệp.

- Triển khai đầy đủ các nội dung của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả

chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2014-2020, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề con giống thông việc tăng cường quản lý và hỗ trợ các cơ sở giống và hoạt động thụ tinh nhân tạo nhằm nhân nhanh giống tốt phục vụ sản xuất và hạn chế nguy cơ lan truyền dịch bệnh.

- Các địa phương cần có chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm chăn nuôi. Đây là nội dung quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành chăn nuôi trong thời gian tới đây.

4. Cải cách mạnh mẽ chế, giảm thiểu tối đa các thủ tục hành chính

- Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc thù của thực tiễn chăn nuôi Việt Nam và hội nhập quốc tế. Việc xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật trong chăn nuôi phải đáp ứng được hai yêu cầu quan trọng, đó là: định hướng cho các sản phẩm chăn nuôi trong nước nâng cao chất lượng và an toàn, mặt khác là tạo được các hàng rào kỹ thuật bảo vệ sản xuất, thị trường trong nước.

- Giảm thiểu tối đa các thủ tục hành chính gây phiền hà cho các doanh nghiệp, người dân, trong đó có vấn đề thời gian và các loại chi phí không phù hợp mà trước tiên là thời gian thẩm định dự án, thông quan hàng nhập khẩu và đưa sản phẩm vào danh mục...

5. Tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết

- Các địa phương cần khuyến khích đầu tư phát triển chăn nuôi theo các chuỗi liên kết, gắn sản xuất với thị trường, theo các mô hình: Hộ chăn nuôi - HTX - DN- Thị trường hoặc HCN - HTX - TT hoặc HCN - DN - TT...trong đó vai trò của các doanh nghiệp là vô cùng quan trọng quyết định sự thành bại của các chuỗi liên kết sản xuất.

- Các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho người chăn nuôi về cơ bản nên thông qua doanh nghiệp và HTX vừa có hiệu quả, khả thi và bền vững, như kinh nghiệm của Hà Nam, Hà Tĩnh...

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước với ngành chăn nuôi

- Quản lý tốt chất lượng và an toàn vật tư và các sản phẩm chăn nuôi, nhất là chất lượng con giống, chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi, chế phẩm môi trường dùng trong chăn nuôi. Đặc biệt là tình trạng lạm dụng chất cấm và kháng sinh trong chăn nuôi hiện nay đang tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ, nếu không được kiểm soát sẽ dẫn đến tình trạng người tiêu dùng sẽ quay lưng lại với các sản phẩm chăn nuôi trong nước và ngành chăn nuôi có thể “thua ngay trên sân nhà” khi hội nhập.

- Thực hiện triệt để quan điểm xã hội hóa các dịch vụ công để các thành phần kinh tế tham gia, vừa đảm bảo được tính minh bạch vừa giảm áp lực cho các cơ quan nhà nước và đội ngũ công chức các cấp, phát huy tối đa vai trò của các tổ chức xã hội, các hội, hiệp hội trong nền kinh tế thị trường.

- Khẩn trương kiện toàn hệ thống tổ chức ngành chăn nuôi ở các địa

phương theo hướng dẫn của thông tư liên tịch Bộ Nội vụ và Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong đó phải quán triệt sâu sắc quan điểm không để tồn tại cát cứ giữa chăn nuôi và thú y trong cùng một đơn vị nhằm giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai tốt nhất nhiệm vụ quản lý hoạt động chăn nuôi, thú y trên địa bàn.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ TRONG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015

1. Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý thật tốt tình hình dịch bệnh, thiên tai và nhập khẩu các loại gia súc, gia cầm trên phạm vi cả nước nhằm thúc đẩy sản xuất chăn nuôi trong nước phát triển.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng và các tổ chức chính trị, xã hội, bao gồm quản lý thị trường, hội nông dân quản lý tốt về chất lượng đàn lợn đực giống và chất lượng, an toàn thức ăn chăn nuôi, nhất là chất cấm và kháng sinh.

3. Triển khai có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, trước hết là Hải quan liên thông trong hoạt động đăng ký kiểm tra chất lượng TACN nhập khẩu, phấn đấu giảm 50 % thời gian thông quan các lô hàng TACN nhập khẩu so với hiện nay.

4. Các địa phương hoàn thành việc rà soát quy hoạch chăn nuôi, hoàn thành đề án tái cơ cấu chăn nuôi trình cấp thẩm quyền phê duyệt chậm nhất là trước 30/10/2015 làm cơ sở cho triển khai các nội dung tái cơ cấu chăn nuôi ngay từ các tháng đầu tiên của năm 2016.

5. Cập nhật các thông tin thường xuyên về sản xuất, thị trường và giá cả các sản phẩm chăn nuôi trong nước và những nước có liên quan để người chăn nuôi biết và kịp thời điều chỉnh sản xuất, kinh doanh phù hợp.

6. Các địa phương cần rà soát, kiến nghị ngay các biện pháp để triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi tập trung và nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phần thứ tư

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Thủ tướng Chính phủ

- Trình Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh giống vật nuôi.
- Chỉ đạo các Bộ, ngành và các địa phương bố trí đủ nguồn lực triển khai các nội dung của Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp bao gồm cả lĩnh vực chăn nuôi, trong đó có chính sách khuyến khích đầu tư cho chăn nuôi tập trung theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

2. Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và triển khai thực hiện

tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói chung và tái cơ cấu chăn nuôi nói riêng có hiệu quả từ trung ương tới địa phương.

- Ban hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ số đánh giá giám sát kết quả triển khai Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi.

- Chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố đề xuất các dự án ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Cân đối, bố trí đủ nguồn ngân sách để triển khai các nội dung trong kế hoạch tái cơ cấu ngành chăn nuôi.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nông sản trong và ngoài nước. Thông tin kịp thời về thị trường, tiến trình đàm phán, hội nhập quốc tế để người sản xuất trong nước biết và điều chỉnh phù hợp.

3. Kiến nghị các địa phương

- Đề nghị các địa phương đưa vào Nghị quyết của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh chương trình xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi nhằm huy động các nguồn lực xã hội đầu tư đồng bộ đạt mục tiêu của đề án thúc đẩy chăn nuôi phát triển.

- Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng và an toàn vật tư, sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn, trước mắt là quản lý đàn đực giống và TACN, trong đó tập trung kiểm soát đàn lợn đực giống, chất cấm, kháng sinh và các loại TACN bổ sung ở các cơ sở sản xuất, các cửa hàng kinh doanh TACN, thuốc thú y, trại chăn nuôi, lò giết mổ và các phân thị ngoài chợ.

- Cụ thể hoá các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi của trung ương và địa phương, trong đó đặc biệt là ưu tiên mặt bằng, đất đai, tín dụng cho phát triển chăn nuôi trang trại và nâng cao hiệu quả của chăn nuôi nông hộ.

- Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất theo đối tượng vật nuôi được lựa chọn theo định hướng tái cơ cấu ở địa phương nhằm tạo ra sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị

- Về công tác tiêu thụ sản phẩm: đề nghị các địa phương huy động nguồn lực xây dựng các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chăn nuôi./.

CỤC CHĂN NUÔI

Phụ lục 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI CHUYÊN BIẾN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI

1. Có sự thay đổi đầu tư trong phát triển chăn nuôi

a) Các doanh nghiệp FDI, tổ chức quốc tế tiếp tục đầu tư mạnh vào lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và giống vật nuôi:

Trong những năm vừa qua, các doanh nghiệp FDI đã tiến hành khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi tại các địa phương trên cả nước tăng lên rõ rệt. Bên cạnh những thương hiệu đã có mặt tại Việt Nam trong 10 năm qua, xuất hiện nhiều Tập đoàn, doanh nghiệp mới đẩy mạnh tham gia đầu tư vào một số lĩnh vực tiềm năng của Việt Nam. Điển hình có Tập đoàn Austrex (Úc) triển khai Dự án chăn nuôi bò thịt Úc và xây dựng khu chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc tại Quảng Ninh; Hà Lan phối hợp với tỉnh Hà Nam xây dựng tổ hợp chăn nuôi bò sữa tại huyện Duy Tiên; một số tập đoàn của Thái Lan, Trung Quốc và Indonesia, ngân hàng ANZ cũng tìm kiếm cơ hội và thâm nhập thị trường sản xuất lĩnh vực chăn nuôi tại Việt Nam. Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh TÁC N các Tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục tăng cường đầu tư vào Việt Nam hoặc là trực tiếp hoặc thông qua liên doanh. Năm 2013, có 58 nhà máy, cơ sở sản xuất TÁC N thuộc hình thức liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài thì hiện nay đã tăng lên 61/203 nhà máy, cơ sở.

b) Sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam:

Không nằm ngoài xu thế tham gia vào ngành nông nghiệp, nhất là lĩnh vực chăn nuôi của các doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp trong nước cũng đầu tư mạnh mẽ, có thể kể đến Hoàng Anh Gia Lai đầu tư vào nuôi bò thịt, bò sữa theo hướng công nghiệp với tổng vốn đầu tư 11.300 tỷ đồng (tính đến tháng 5 năm 2015, đã nhập 54.909 con bò, xuất ra khỏi địa bàn tỉnh 5.728); tại Đắk Lắk có 8 dự án mới được đưa vào triển khai với tổng nguồn vốn đầu tư trên 5.000 tỷ đồng do các tập đoàn, công ty trên địa bàn tỉnh đầu tư; tỉnh Bình Phước có 14 doanh nghiệp được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi; tại Quảng Ninh có Công ty Cổ phần kinh doanh bò thịt Việt Nam, Công ty CP giống gia cầm Lương Huệ đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất chăn nuôi; tại hai vùng lớn nhất cả nước là Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận đã có nhiều doanh nghiệp lớn, nhỏ tham gia lĩnh vực chăn nuôi như Doanh nghiệp Hoà Phát, Đức Long – Gia Lai, TH True Milk, Vinamilk, Thái Dương, Minh Dư...

c) Khu vực chăn nuôi nông hộ có xu hướng giảm:

Cơ cấu sản xuất chăn nuôi chuyển đổi nhanh theo hướng trang trại, hộ lớn, hộ chuyên nghiệp. Xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình liên kết trong sản xuất, như mô hình chăn nuôi gia công, HTX và các chuỗi sản xuất khép kín. (năm 2015, tại An Giang dự kiến có khoảng 1-2% hộ chăn nuôi chuyển sang chăn nuôi theo phương thức gia trại, trang trại, công nghiệp; Đồng Nai có chuỗi

sản phẩm trứng gà giữa Cty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam với các cơ sở chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm; hình thành các tổ hợp tác chăn nuôi bò kết hợp quy hoạch vùng đất trồng cỏ như: Lào Cai, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Gia Lai, Tây Ninh...)

Công ty Cổ phần chăn nuôi CP, Công ty Japfa VN và một số tập đoàn lớn tổ chức các hình thức chăn nuôi gia công với các cơ sở chăn nuôi, các gia trại, trang trại tại của nhiều tỉnh thuộc khu vực miền Nam; tại Quảng Nam có gần 50% số trang trại chăn nuôi liên kết sản xuất với doanh nghiệp nước ngoài;

2. Sự thay đổi nhận thức về giống và thức ăn chăn nuôi

- Đã có sự thay đổi về nhận thức và có định hướng cụ thể đối với tái cơ cấu chăn nuôi ở địa phương để phát triển chăn nuôi trong thời gian tới. Nhìn chung các địa phương đều nhận thức đúng đắn về sự cần thiết và các nội dung của vấn đề tái cơ cấu chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững; đã quan tâm trong chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án hướng tới khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo động lực mới duy trì và thúc đẩy quá trình phát triển của ngành hiệu quả và bền vững hơn cả về kinh tế- xã hội và môi trường.

- Bên cạnh đó đã có sự thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy trong việc quản lý về giống, thức ăn chăn nuôi. Người chăn nuôi đã nhận thức được việc cần thiết phải sử dụng con giống có chất lượng tốt, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc và được kiểm soát về chất lượng, mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào chăn nuôi do đó năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi ngày một nâng lên.

3. Các doanh nghiệp, trang trại cải thiện giống, thức ăn, công nghệ để tổ chức sản xuất giảm giá thành sản xuất sản phẩm chăn nuôi.

4. Diễn biến cơ cấu đàn gia súc, gia cầm đến hết tháng 6/2015 là 5,3 triệu con bò; 27,34 triệu con lợn; 331,3 triệu con gia cầm, do vậy lợn, gà, trứng gia cầm vẫn là những sản phẩm có tăng trưởng tốt, mang lại cơ cấu chính trong chăn nuôi, mang lại hiệu quả và sinh kế cho người chăn nuôi./.

Phụ lục 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI

I. Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

- Thủ tướng chính phủ đã ban hành Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

- Bộ Nông nghiệp & PTNT đã ban hành Thông tư 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28/4/2014 ban hành danh mục giống vật nuôi cao sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ.

- Về tình hình thực hiện: Hầu hết các địa phương đều đã biết đến Nghị định 210/2013/NĐ-CP và đã có sự nghiên cứu, xem xét để vận dụng thực hiện. Một số địa phương đã thực hiện một số nội dung của Nghị định trong hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tuy nhiên việc thực hiện còn chậm do chưa có sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành trong tỉnh; chưa xây dựng được những nội dung, tên dự án ưu đãi đầu tư để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bên cạnh đó, ngân sách địa phương còn hạn chế, do vậy khi chưa có những hướng dẫn cụ thể của các cơ quan trung ương về tài chính thì gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ.

Mặt khác, điều kiện để các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ chưa phù hợp với thực tế (chưa đi được vào thực tế các địa phương, các doanh nghiệp..). Ví dụ muốn xây dựng dự án quy mô 100.000 con bò, theo NĐ 210 thì dự án phải cần tách ra thành 200 dự án x với 500 con bò/dự án. Như vậy không phù hợp cho các dự án với quy mô lớn sản xuất hàng hóa tập trung của các doanh nghiệp cần đầu tư vào chăn nuôi, không khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn và có tổ chức sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đồng thời cũng không khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ vì quy mô lớn hơn năng lực đầu tư của các doanh nghiệp này.

II. Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ

1. Ở Trung ương

Ngay trong năm 2014, Cục Chăn nuôi đã có văn bản gửi sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố về việc báo cáo UBND tỉnh/thành phố bố trí kinh phí thực hiện Quyết định số 50/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Cục Chăn nuôi tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 về việc hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020. Thông tư 09 đã quy định chi tiết định mức về kinh tế kỹ thuật và hướng dẫn cụ thể các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Cục Chăn nuôi đã triển khai hai Hội nghị toàn quốc tại Hà Nội và Hồ Chí

Minh về hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật mới để triển khai thực hiện. Cục đã xây dựng và thống nhất Kế hoạch thực hiện theo đúng nội dung của Quyết định số 50 của Thủ tướng.

2. Ở địa phương

Hầu hết các tỉnh/thành phố đều chủ động tiếp cận các văn bản này để triển khai, đặc biệt một số tỉnh đã có chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi từ trước khi Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành, khi Quyết định 50 có hiệu lực đã được các địa phương thực hiện cùng những chính sách riêng của địa phương, các tỉnh đó là: Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hà Nội, Hồ Chí Minh, ...

Tính đến nay, tất cả các tỉnh/thành phố trong cả nước đã lập dự toán, xây dựng Kế hoạch trình UBND/HĐND tỉnh/thành phố phê duyệt để làm căn cứ triển khai hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ. Theo thống kê sơ bộ, đến nay đã có 23 tỉnh/thành phố đã triển khai thực hiện theo nội dung của Quyết định số 50. Đối với các tỉnh/thành phố đã triển khai quyết định số 50 thì hình thức dưới các dạng: Đề án, Kế hoạch, Chương trình hành động hoặc được lồng ghép trong các chương trình phát triển nông nghiệp chung của địa phương. Hầu hết các định mức hỗ trợ đều được HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết theo khả năng tài chính của từng địa phương.

Một số địa phương còn lại chưa triển khai là do: chưa có Thông tư hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính về việc thực hiện Quyết định số 50 của Thủ tướng Chính phủ; chờ thông qua HĐND cấp tỉnh để có căn cứ triển khai (HĐND các tỉnh/thành phố sẽ họp vào tháng 7).

3. Đánh giá triển khai thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, Cục Chăn nuôi cũng như các địa phương nhận thấy rằng:

- Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ là căn cứ quan trọng để thúc đẩy phát triển chăn nuôi nông hộ về các nội dung: giống vật nuôi, phối giống nhân tạo gia súc, xử lý chất thải chăn nuôi.

- Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg giúp ổn định khối chăn nuôi nông hộ, một khối chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chăn nuôi nhưng đang gặp khó khăn trong việc duy trì và phát triển sản xuất chăn nuôi.

- Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg thúc đẩy tốt công tác quản lý giống và vật nuôi thương phẩm nhất là trâu, bò và lợn; đảm bảo môi trường chăn nuôi.

Tuy nhiên, một số khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện là:

- Ngân sách các tỉnh còn hạn chế nên trong quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn vì tỉnh còn phải cân đối để chi cho nhiều hoạt động khác nên không thể cân đối, bố trí được nguồn kinh phí.

- Chưa có Thông tư hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính về việc thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên các địa phương chưa có cơ sở để triển khai thực hiện./.

Phụ lục 3

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHÍNH VỀ SẢN XUẤT CHĂN NUÔI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

1. Phát triển đàn vật nuôi

a) Chăn nuôi trâu, bò

Theo số liệu sơ bộ, 6 tháng đầu năm 2015 chăn nuôi trâu, bò phát triển khá thuận lợi; tổng số trâu của cả nước đạt gần 2,54 triệu con, tăng khoảng 0,1%, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt gần 62,6 ngàn tấn, tăng khoảng 0,22%; tổng số bò đạt trên 5,3 triệu con (trong đó nhập 6 tháng là 235.000 con, trong đó có 29.000 con dùng để là giống), sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 219,9 ngàn tấn, tăng khoảng 2,23% so với cùng kỳ năm 2014.

Đàn bò sữa của cả nước đạt gần 260,8 ngàn con, tăng 24,48%; sản lượng sữa ước đạt 452,0 ngàn tấn, tăng 21,02% so với cùng kỳ năm 2014.

b) Chăn nuôi lợn

Trong 6 tháng đầu năm 2015 nhìn chung đàn lợn phát triển khá tốt, dịch lợn tai xanh không xảy ra. Theo số liệu sơ bộ của Tổng Cục thống kê, tổng đàn lợn của cả nước đạt gần 27,34 triệu con, tăng khoảng 2,99% so với cùng kỳ năm 2014; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong ước đạt 2,51 triệu tấn, tăng gần 3,66% so với cùng kỳ năm 2014.

c) Chăn nuôi gia cầm

Chăn nuôi gia cầm hồi phục khá và ổn định sau Tết Nguyên đán 2015, dịch cúm gia cầm tuy không bùng phát mạnh nhưng vẫn còn xảy ra ở một vài tỉnh. Theo số liệu sơ bộ của Tổng Cục thống kê, tổng đàn gia cầm của cả nước 6 tháng đầu năm 2015 đạt 331,13 triệu con, tăng khoảng 3,85% so với cùng kỳ năm 2014; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt trên 651,28 ngàn tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt trên 6,27 tỷ quả, lần lượt tăng 5,04% và 7,36% so với cùng kỳ năm 2014.

2. Thị trường sản phẩm chăn nuôi

a). Tiêu thụ sản phẩm

- Năm 2014, tổng sản lượng thịt xẻ quy đổi được sản xuất trong nước là 3.121.409 tấn, tổng lượng thịt xẻ quy đổi nhập khẩu là 159.574 tấn/3.280.983 tấn, chiếm 4,9%. Tiêu dùng thịt xẻ bình quân đầu người là 35 kg/người/năm.

- Tình hình thị trường sản phẩm chăn nuôi biến động không nhiều trong 6 tháng đầu năm 2015. Giá một số nguyên liệu TĂCN trong Quý I, II năm 2015 đã giảm từ 2-4% so với cùng kỳ do chính sách không thu thuế VAT nguyên liệu TĂCN được áp dụng.

b) Xuất, nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi

Tình hình nhập khẩu: Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2015, cả nước nhập khẩu 1.220 con lợn giống, kim ngạch hơn 1,6 triệu USD (giảm 23,8 % về lượng nhưng tăng 18,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2014); tổng số gia

cầm giống nhập khẩu là 821.519 con, kim ngạch nhập khẩu hơn 2,91 triệu USD (tăng 1,1% về lượng và giảm 9,3% về kim ngạch); đã có 209.006 con trâu, bò sống được nhập vào Việt Nam từ Úc và Thái Lan và 29.600 con bò giống, kim ngạch nhập khẩu gần 195,5 triệu USD (tăng 62,2 % về lượng và 98,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2014). Cả nước nhập khẩu 2.032 tấn thịt lợn, kim ngạch đạt gần 4 triệu USD (tăng 46,6% về lượng và tăng 59,5% về kim ngạch) và 56.917 tấn thịt gà, kim ngạch đạt gần 52,7 triệu USD (lần lượt tăng 54,4% về lượng và tăng 31,3% về kim ngạch).

Tình hình xuất khẩu: Đối với sản phẩm xuất khẩu, trong 5 tháng đầu năm 2015 cả nước xuất khẩu 17.731,45 tấn lợn sữa đông lạnh, kim ngạch đạt 48,78 triệu USD; 13.801.429 quả trứng muối, kim ngạch đạt 2.235,54 ngàn USD; 15.964,86 tấn mật ong, kim ngạch đạt 43.563,16 ngàn USD và 3.982,15 tấn sữa tươi, kim ngạch đạt trên 6,15 triệu USD.

c) Thị trường nguyên liệu và sản phẩm thức ăn chăn nuôi

- *Sản xuất thức ăn chăn nuôi:* Trong 5 tháng đầu năm 2015, sản lượng TĂCN công nghiệp ước đạt gần 6,03 triệu tấn; tăng khoảng 5% so với cùng kỳ năm 2014.

- *Về thị trường giá nguyên liệu và sản phẩm TĂCN:* so với cùng kỳ năm 2014, bình quân giá hầu hết nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chính trong 5 tháng đầu năm 2015 đều giảm như: ngô hạt 5.540 đ/kg (giảm 15,45%), khô dầu đậu tương 10.200 đ/kg (giảm 29,7%), cám gạo 6.276 đ/kg (giảm 7,4%), sắn lát 4.620 đ/kg (giảm 13,7%), lysine 35.000 đ/kg (giảm 2,7%); chỉ có giá Methionine 147.000 đ/kg và bột cá 31.000 đ/kg là tăng lần lượt là 79,95% và 21% so với cùng kỳ. Do giá nguyên liệu đầu vào giảm nên bình quân giá thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà Broiler 10,742 đ/kg, giảm 7,4%; giá thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 9.556 đ/kg, giảm 8,9%.

- *Xuất, nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi:*

Tình hình nhập khẩu nguyên liệu TĂCN trong 5 tháng đầu năm 2015 có xu hướng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2014, theo số liệu báo cáo của các đơn vị kiểm tra: **tổng lượng các loại nguyên liệu** nhập khẩu là trên 5,98 triệu tấn so với 5,1 triệu tấn (tăng 17,29%); giá trị nhập khẩu 2,31 tỷ USD so với 2,02 tỷ USD (tăng 14,52 %). **Trong đó, nhóm thức ăn giàu đạm** chiếm trên 2,44 triệu tấn, trị giá đạt trên 1,3 triệu USD (lần lượt tăng 19,21% về lượng và 26,66% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2014); **nhóm thức ăn giàu năng lượng** chiếm trên 3,36 triệu tấn, trị giá 772,1 triệu USD (lần lượt tăng 16,56% về lượng và 6,59% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2014); **thức ăn bổ sung và các loại khác** chiếm 177,65 ngàn tấn, kim ngạch nhập khẩu trên 229,12 triệu USD (tăng 7,45% về lượng nhưng giảm 11,63% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2014).

3. Đánh giá chung

Phát triển chăn nuôi diễn ra trong bối cảnh chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi đan xen như khó khăn về thị trường và dịch bệnh, nhưng thời điểm cuối năm 2014 và những tháng đầu năm 2015 chăn nuôi đang được khôi phục và phát

triển nhanh. Năm 2014, đàn vật nuôi được duy trì và tăng trưởng tốt, chỉ có đàn trâu cả nước giảm nhẹ so với cùng kỳ; đàn lợn, bò (nhất là đàn bò sữa) và gia cầm tiếp tục phát triển mạnh; sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng từ 4-5% góp phần nâng cao giá trị sản xuất ngành chăn nuôi. Bước sang năm 2015, chăn nuôi tăng trưởng khá, 6 tháng đầu năm đạt khoảng 4,81% so với cùng kỳ năm 2014, đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng. Đầu tư xã hội cho ngành chăn nuôi có chiều hướng tích cực, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đang phát triển mạnh đầu tư vào ngành chăn nuôi.

Phương thức sản xuất chăn nuôi chuyển đổi nhanh theo hướng trang trại, hộ lớn, chăn nuôi công nghiệp. Công tác quản lý chất lượng giống, vật tư, thức ăn chăn nuôi được các địa phương quan tâm hơn; quản lý môi trường chăn nuôi có nhiều tiến bộ công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi được áp dụng trong sản xuất.

Thế chế ngành chăn nuôi được tăng cường đáng kể, nhiều chính sách mới trong chăn nuôi được ban hành, như: Đề án tái cơ cấu ngành, Đề án tăng cường năng lực quản lý giống, Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển chăn nuôi tập trung, Chính sách chăn nuôi nông hộ...

Tuy nhiên, chăn nuôi nước ta vẫn còn chưa bền vững; giá trị gia tăng thấp; công tác quản lý còn nhiều bất cập; việc áp dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi còn chậm. Lực lượng cán bộ làm công tác chăn nuôi còn thiếu và yếu. Trong chăn nuôi còn tiềm ẩn những yếu tố về phát sinh dịch bệnh và môi trường.

Công tác chuẩn bị và tiếp cận Hội nhập TPP chưa rõ, chậm, lúng túng và thiếu hành động cụ thể cho từng lĩnh vực. Công tác tuyên truyền còn chậm đổi mới, xúc tiến thương mại và thị trường chưa quan tâm đúng mức./.

PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CHĂN NUÔI NĂM 2015

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Ước thực hiện 6 tháng 2015	Ước thực hiện cả năm 2015	So sánh 2015/2014 (%)
I. Đàn gia súc, gia cầm						
1. Đàn trâu	1.000 con	2.559,5	2.511,9	2.546,0	2.510,0	- 0,1
2. Đàn bò	1.000 con	5.156,7	5.234,3	5.324,9	5.315,0	1,5
Bò sữa	1.000 con	184,5	227,6	260,8	275,0	20,8
Tỷ lệ bò lai	%	47,6	50,8	54,0	54,0	6,3
3. Đàn lợn	1.000 con	26.264,4	26.761,6	27.348,5	27.200,0	1,6
Đàn lợn nái	1.000 con	3.910,0	3.913,9	4.022,6	3.922,6	0,2
Tỷ lệ nái ngoại	%	19,8	20,4	22,4	22,4	9,8
Đàn lợn thịt xuất chuồng	1.000 con	48.303,8	48.930,6	34.410,4	49.300,0	0,8
Tỷ lệ lợn lai, ngoại	%	92,0	92,2	92,4	92,4	0,2
4. Đàn gia cầm	Triệu con	317.696,0	327,7	331,1	339,1	3,5
Đàn gà	Triệu con	234.509,0	246,0	249,2	258,5	5,1
Tổng số gia cầm xuất bán	Triệu con	473,1	476,7	339,3	481,5	1,0
II. Sản phẩm chăn nuôi						
1. Thịt hơi các loại	1.000 tấn	4.449,8	4.601,6	3.462,8	4.782,1	3,9
Thịt lợn	1.000 tấn	3.228,7	3.330,6	2.516,4	3.449,3	3,6
Thịt gia cầm	1.000 tấn	830,9	873,2	651,3	925,0	5,9
Thịt trâu	1.000 tấn	85,5	86,8	62,7	88,0	1,4
Thịt bò	1.000 tấn	285,4	292,9	220,0	300,3	2,5
Thịt dê, cừu...	1.000 tấn	19,3	18,1	12,5	19,5	7,7
2. Sản lượng sữa tươi	1.000 tấn	456,4	549,5	452,0	645,6	17,5
3. Trứng các loại	Triệu quả	7.661,9	8.198,2	6.275,8	8.850,2	8,0
4. Sản lượng mật ong	1.000 tấn	12,9	14,2	-	15,6	9,9
5. Sản lượng kén tằm	1.000 tấn	6,4	6,8	-	7,2	5,9
III. Sản lượng thức ăn						
Thức ăn chăn nuôi công nghiệp	1.000 tấn	13.813,0	14.704,0	7.811,0	15.622,0	6,2